| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **63/2019**/HNGĐ-ST
Ngày **12/9/2019**
*Về việc "Tranh chấp ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Ông **Đỗ Văn Điền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị T** - sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số 270, tổ 08, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: số 270, tổ 08, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Cao Thị T trình bày:**

Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn Đ tự quen nhau khoảng 2 năm và đi đến tổ chức lễ cưới năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/9/2012.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ hay đi uống rượu, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh Đ dùng lời lẽ thô tục chửi chị T. Chị T có khuyên can nhiều lần, nhưng anh Đ không thay đổi,

thấy tiếp tục chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị T ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

- Về con chung: có 01 người con tên Nguyễn Cao Đức Th - sinh ngày 13/3/2014. Hiện đang sống với chị T.

**Nay tại Tòa án chị T yêu cầu**:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung:* Chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nữ trang và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Văn Đ để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Đ vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy anh Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Nguyễn Văn Đ không đến Tòa án.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/9/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do anh Đ hay đi uống rượu về đến nhà vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh Đ không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, anh Đ còn chửi chị T những điều thô tục, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Tại phiên tòa chị T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị T, anh Đ đã bỏ mặc nhau, hai bên đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Đ chung sống có 01 người con tên Nguyễn Cao Đức Th - sinh ngày 13/3/2014, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Cao Đức Th đang được chị T nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Vì vậy, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Cao Đức Th, chị T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh Đ cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cho chị Cao Thị T tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Cao Đức Th - sinh ngày 13/3/2014. Chị Cao Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Cao Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Đ tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

**3.** Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Cao Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003402 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**5.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu HS.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**